

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: **14/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/6/2018

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Bá Ky

2. Trương Tấn Thành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc: “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1977

Địa chỉ: thôn V, xã H, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Đặng Hùng S, sinh năm 1971

Địa chỉ: thôn V, xã H, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, bà và ông Đặng Hùng S tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P vào năm 2001. Hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng ông bà. Sau khi cưới ông S về nhà bà sống được 05 năm thì vợ chồng bà ra ở riêng. Cuộc sống vợ chồng bà vẫn hạnh phúc cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông S bỏ bê, không quan tâm, chăm lo cho vợ con, không phụ giúp bà nuôi dưỡng con cái. Bà và gia đình đã nhiều lần khuyên an nhưng ông S vẫn tính nết bất hiếu. Hiện nay bà xét thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: bà và ông Đặng Hùng S có 01 con chung Đặng N, sinh ngày 02/9/2004. Bà T xin nhận nuôi con, không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông bà sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Đặng Hùng S: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Đặng Hùng S theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông S vẫn cố tình vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay ông S vắng mặt.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh T và ông Đặng Hùng S, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đặng N cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình, giải quyết vụ án, ông Đặng Hùng S không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác định địa chỉ của ông đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 172; khoản 3, khoản 5 điều 177 và điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông S, do ông S vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà và ông Đặng Hùng S được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống do ông S không có trách nhiệm với vợ con, không phụ giúp bà T trong việc nuôi dưỡng con chung. Từ năm 2013 đến nay đời sống hôn nhân giữa bà và ông S không hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà T và ông S không còn nữa, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông S.

[3] Về con chung: bà T và ông Đặng Hùng S có 01 con chung Đặng N, sinh ngày 02/9/2004. Hiện nay cháu Như đang sống với bà T và có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà T. Nguyện vọng của bà T được nhận nuôi con và không yêu cầu ông S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu bà T là chính đáng nên chấp nhận yêu cầu về việc xin được nuôi con của bà T.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà T là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh T đối với ông Đặng Hùng S, Bà T được ly hôn với ông S.

3/ Về con chung: Giao cho bà T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đặng N, sinh ngày 02/9/2004 cho đến khi cháu Như trưởng thành, bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Bà T không được cản trở ông S quyền thăm con.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0018909 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà T đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/6/2018), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã Vĩnh Hảo;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Quốc Trí

3/ Về con chung: Giao cho bà T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đặng N, sinh ngày 02/9/2004 cho đến khi cháu Như trưởng thành, bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Bà T không được cản trở ông S quyền thăm con.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0018909 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà T đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/6/2018), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã Vĩnh Hảo;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Trí